

Bản án số: 42/2018/HS-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân:

1 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

2 – Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận – Thư ký Tòa án ND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2018/TLST- HS ngày 09 tháng 4 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018HSST-QĐ ngày 31/5/2018 đối với:

– Bị cáo: **Vũ Văn Th** (Tên gọi khác: Không có) – Sinh năm 1986, tại: Xã B L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nơi cư trú: Thôn V N, xã B L, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn Th và bà Nguyễn Thị Th; Vợ: Lê Thị H; Con: 01 con, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại : Ông Trần Văn Đ - sinh năm 1964 (Đã chết);

Người đại diện cho bị hại gồm:

1 – Cụ **Dương Thị Ng** - sinh năm 1923 (mẹ đẻ ông Đ) – (Vắng mặt);

2 - Bà **Nguyễn Thị C** - sinh năm 1964 (Vợ ông Đ) - (Có mặt) ;

3 - Anh: **Trần Văn Đ** - sinh năm 1990 (Con ông Đ) - (Có mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

4 - Chị **Trần Thị D** - sinh năm 1984 (Con ông Đ) - (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Ch, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

5 - Chị **Trần Thị H** - sinh năm 1987 (Con ông Đ) - (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn S Q 1, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn Q - sinh năm 1986 (Vắng mặt);

+ Anh Dương Văn T - sinh năm 1984 (Vắng mặt);

+ Anh Trần Văn S - sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn Ch, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau về hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn Th đã thực hiện:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 24/10/2017, Vũ Văn Th - sinh năm 1986, không có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô Airblade mang biển kiểm soát 98D1 - 448.46, một mình đi từ huyện V về huyện H trên Quốc lộ 37. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận thôn Ch, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang, Th không chú ý quan sát phía trước và không làm chủ tốc độ, nên xe mô tô do Th điều khiển đã đâm vào phía sau bên phải xe đạp do ông Trần Văn Đ - sinh năm 1964 ở thôn C, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang điều khiển đi ở phía trước cùng chiều. Hậu quả xe mô tô và xe đạp bị đổ ra đường, ông Đ cùng Th bị ngã ra đường và được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện H; Th bị xây sát nhẹ, còn ông Đ do vết thương nặng được chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, nhưng đã chết vào ngày 25/10/2018.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ban đầu và hiện trường dựng lại:

Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn giao thông là đường nhựa, thẳng phẳng, không cong cua uốn khúc, không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn. Lòng đường rộng 8m, lề đường phải rộng 0,9m, lề đường trái rộng 0,9m. Giữa đường có vạch kẻ sơn màu vàng, đứt đoạn; Chia lòng đường thành hai làn xe chạy riêng biệt bằng nhau. Tiếp giáp với lề đường bên phải là vũng nước, lấy hướng đi từ V đi H để xác định bên phải, bên trái trong mô tả hiện trường, lấy mép đường bên phải (P) làm chuẩn. Lấy cột mốc ký hiệu H5/87 (Km87 + 500) làm mốc định vị. Tại hiện trường có các phương tiện trong vụ án và dấu vết như sau:

Xe đạp ở tư thế đổ nghiêng phải, đầu xe hướng chệch về phía H và lề đường trái, đuôi xe hướng chệch về phía V và lề đường phải. Trục sau xe đạp cách mép

đường phải 3,10m, cách mốc là 31,36m. Trục trước xe đạp cách mép đường phải 4,00m. Có 01 đám máu kích thước (0,4x 0,2)m, tâm đám máu cách mép đường phải 3,76m, cách trục sau xe đạp là 1,46m.

Vết in hằn lốp kích thước dài 0,9m, rộng 0,10m, có chiều hướng từ V đi H chệch chéo về lề đường bên phải. Điểm đầu của vết cách mép đường phải 0,70m, điểm cuối vết cách mép đường phải 0,9m.

Xe mô tô biển kiểm soát: 98D1- 448-46 ở tư thế đổ nghiêng phải, khoảng cách từ trục trước xe mô tô đến mép đường bên phải là 1,40m, khoảng cách từ trục sau xe mô tô đến mép đường bên phải là 1,40m. Xe mô tô nằm trên vũng nước ngoài lề đường phải. Trục sau xe mô tô cách trục sau xe đạp là 9,20m và cách điểm cuối vết in hằn lốp là 2,40m. Đầu xe mô tô hướng về phía H, đuôi xe mô tô hướng về phía V.

Kết quả khám nghiệm phương tiện:

Kết quả khám nghiệm xe mô tô biển kiểm soát 98D1 - 448.46 do Vũ Văn Th điều khiển:

Tay lái bên phải, tay phanh bên phải, yên xe bên phải dính nhiều bùn đất. Phần nhựa của chắn bùn bánh trước, cố định với hai càng xe bánh trước bị đập vỡ nhựa.

Cánh yếm bên trái bị đập vỡ nhựa kích thước (16 x 10)cm, tâm vết vỡ cách mặt đất 32cm, cách đầu trục xe bánh trước bên trái 27cm.

Các vị trí cố định của cánh yếm bên trái bị bật rời.

Phần ốp nhựa bên trái xe trước, đỡ chân phụ bên trái xe bị vỡ kích thước (06 x 06)cm, tâm vết vỡ cách mặt đất 36cm.

Khung kim loại gắn đỡ chân phụ bên trái có vết trà sát mài mòn kim loại. Thanh kim loại phía dưới có vết trà sát mài mòn kim loại kích thước (02 x 0,2)cm. Thanh kim loại phía trên có vết trà sát mài mòn kim loại kích thước (02 x 01)cm.

Mặt nhựa ốp phía trước xe trên đèn pha bên trái có 2 vết trượt xước sơn màu trắng hướng từ trước ra sau. Vết thứ nhất kích thước (10x0,5)cm, vết thứ hai có kích thước (31x04)cm, tâm cách đất 80cm.

Hệ thống lái, đèn xi nhan, công tơ mét, còi, đèn pha còn hiệu lực. Xe không khởi động được.

Kết quả khám nghiệm xe đạp do ông Trần Văn Đ điều khiển:

Về giấy tờ, đặc điểm của phương tiện: Xe đạp nữ hai khung đã cũ có số khung 3737. Xe không có phanh trước.

Thanh kim loại đỡ chấn bụn phía sau bánh trước bị bật rời khỏi vị trí xoay áp sát lớp.

Bàn đạp bên phải bị đẩy cong từ phải sang trái. May ơ bánh sau, lốp bánh sau bị trà sát kim loại hướng từ ngoài vào trong. Đầu trục sau bên phải bị đẩy từ sau về trước, mặt ngoài sau bị trà sát kim loại kích thước (0,5x0,5)cm, tâm vết cách đất 34cm. Mặt sau lưng của thanh tre phía sau bên phải trên giá đỡ hàng phía sau có vết trượt xước dính chất màu trắng hướng từ sau về trước, kích thước (20 x 05)cm, tâm vết cách đất 76cm.

Tại Kết luận số 1674/KL-PC 54 ngày 07/11/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

Dấu vết nứt, vỡ, hằn, lõm, trượt xước sơn nhựa, kim loại ở bên trái của xe mô tô 98D1 - 448.46 gồm: Cánh yếm, ốp nhựa bên trái, ốp nhựa đỡ chân sau, giá gắn đỡ chân sau được hình thành do va chạm với dấu vết chùn cong, trượt xước kim loại, dính chất màu trắng ở bên phải của xe đạp gồm: thanh tre buộc trên giá thò hàng, đầu trục bánh sau, bàn đạp tạo nên. Vị trí va chạm giữa xe mô tô 98D1 - 448.46 và xe đạp trên mặt đường ở phía trước khu vực dấu vết mảnh nhựa vỡ ký hiệu số 3 và xe đạp đổ, thuộc phần đường bên phải theo hướng V - H. Không đủ cơ sở để xác định tốc độ của các phương tiện khi xảy ra tai nạn.

Kết quả khám nghiệm tử thi Trần Văn Đ:

Vùng đỉnh chằm phải có vết chọt da kích thước (04 x 01)cm, xung quanh sưng nề kích thước (08 x 07)cm; má trái có vết chọt da kích thước (03 x 2,5)cm; vùng thắt lưng phải có đám chọt da kích thước (03 x 01); mu tay phải có vết chọt da kích thước (1,5 x 01)cm; gối phải có vết chọt da kích thước (1,5 x 0,5)cm; gối trái có vết chọt da kích thước (1 x 0,3)cm. Gia đình có đơn xin miễn mổ tử thi.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 3319/17/GDPY ngày 26/10/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận: Nguyên nhân chết của ông Trần Văn Đ do chấn thương sọ não, vỡ xương sọ, tụ máu, chảy máu nội sọ do tai nạn giao thông;

Tại các biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung bị cáo Th đều khai nhận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/10/2017, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô 98 D1-448.46, đi từ phố Tràng huyện V về thị trấn T, huyện H trên Quốc lộ 37, khi về đến địa phận từ thôn C đến thôn Ch, xã L P, huyện H, bị cáo phát hiện phía trước, cách xe bị cáo khoảng 03 mét có 01 người đàn ông đi xe đạp cùng chiều (Sau này bị cáo biết là ông Trần Văn Đ), đang đi xe đạp cách mép đường bên phải khoảng 1,5 mét. Bị cáo đánh lái sang bên phải để tránh, nhưng không kịp. Phần đế chân chính bên trái xe mô tô của bị cáo va vào bàn đạp về bên phải xe đạp của ông Đ, sau đó xe mô tô bị cáo điều khiển lao xuống vũng nước ở ngoài lề đường bên

phải (Theo hướng từ huyện V đi về thị trấn T, huyện H), bị cáo ngã xuống đường, xe mô tô của bị cáo văng xuống ruộng cạnh đường, bị cáo bị choáng một lúc, khi tỉnh dậy, bị cáo kéo và dựng xe mô tô lên lề đường bên phải. Bị cáo quay lại thì thấy ông Đ nằm ngang trên mặt đường, hai tay ôm đầu kêu đau, xe đạp của ông Đ bị đổ trên mặt đường gần vị trí ông Đ nằm, đuôi xe đạp về phía huyện V, đầu xe đạp chéch chéo về phía thị trấn T, về mép đường bên trái. Bị cáo quay lại, cùng người dân có mặt lúc đó ôm ông Đ lên xe ô tô, bị cáo và ông Đ được đưa về Bệnh viện Đa khoa huyện H cấp cứu, do vết thương của ông Đ nặng, bệnh viện huyện H đã chuyển ông Đ lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang cấp cứu, sau đó ông Đ đã tử vong vào ngày 25/10/2017. Khi điều khiển xe mô tô 98D1 – 448.46, bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định. Bị cáo xác định lỗi gây ra tai nạn giao thông là lỗi của bị cáo, do không quan sát và không làm chủ tốc độ.

Bị cáo cùng gia đình bị cáo đã đến gia đình ông Đ thăm hỏi và thống nhất về bồi thường dân sự cho gia đình ông Đ số tiền là 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng), bị cáo đã đưa cho gia đình ông Đ được 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng), để khắc phục hậu quả do hành vi mà bị cáo đã gây ra cho ông Đ.

Cụ Ng, bà C, anh Đ, chị D, chị H đều khai: Sau khi ông Trần Văn Đ bị tai nạn giao thông do bị cáo Th gây nên và bị chết. Bị cáo Th và gia đình bị cáo đã đến thăm hỏi và thỏa thuận bồi thường cho gia đình ông Đ số tiền là 80.000.000đồng, bị cáo Th đã bồi thường 60.000.000đồng, số tiền còn lại 20.000.000đồng các bên thỏa thuận cho bị cáo Th bồi thường tiếp trong năm 2018 và không có yêu cầu gì khác. Cụ Ng, bà C, anh Đ có ý kiến và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo Th. Chị D, chị H có ý không yêu cầu thêm gì về dân sự, chị D đề nghị xét xử Th theo đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa chị D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th, chị H xin được suy nghĩ nên chưa có ý kiến gì đối với Th về mặt hình sự.

Người làm chứng là anh Q, anh T, anh S đều khai: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 24/10/2017, anh S đang ở nhà thì có người đi đường vào nói cho Anh Biết, ở phía kho của Công ty Tân Á thuộc xã L P gần nhà Anh có vụ tai nạn giao thông và đề nghị Anh ra giúp đỡ, Anh đã ra hiện trường vụ tai nạn. Anh T khai khi đang ở nhà, có người gọi Anh lấy xe ô tô ra để đưa người bị tai nạn đi cấp cứu. Anh Q khai: Khoảng 23 giờ 45 phút Anh cùng anh H đi từ thị trấn T về thôn G xã L P thì thấy vụ tai nạn giao thông. Anh cùng mọi người có mặt đưa người bị tai nạn lên xe ô tô để đưa lên bệnh viện cấp cứu. Hiện trường vụ tai nạn đều được người làm chứng khai nhận như bị cáo Th trình bày.

Về vật chứng của vụ án: Sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, Cơ quan Công an huyện H có mặt để giải quyết vụ án, Cơ quan Công an huyện đã đưa cả hai phương tiện trong vụ án (Gồm xe mô tô BKS 98D1-448.46 của Th và 01 chiếc xe

đạp của ông Đ), về trụ sở Công an để giải quyết và xử lý. Quá trình điều tra xác định xe mô tô 98D1 - 448.46 là của Vũ Văn Th, ngày 28/02/2018, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho Th. Chiếc xe đạp ông Đ điều khiển khi xảy ra tai nạn là tài sản chung của vợ chồng ông Đ và bà Nguyễn Thị C, hiện nay chiếc xe đạp này Cơ quan điều tra đang tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, Vũ Văn Th và những người đại diện theo pháp luật của ông Đ đã thỏa thuận bồi thường về dân sự với số tiền là 80.000.000đồng, Th đã bồi thường được 60.000.000 đồng. Còn 20.000.000đồng, hai bên thông nhất cho Th trả nốt trong năm 2018. Những người đại diện của ông Đ không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay: Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến gì đối với kết luận định giám định ở trên. Bị cáo Th thừa nhận hành vi “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” khi chưa có giấy phép lái xe như quy định và gây nên cái chết cho ông Trần Văn Đ vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 24/10/2017.

Bản cáo trạng số 33/CT -VSK - HH ngày 09/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đã truy tố Vũ Văn Th ra tr-ớc Tòa án nhân dân huyện H, để xét xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a Khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Th phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 202; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Th từ 03 năm đến 03 năm, 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc Vũ Văn Th phải bồi thường cho những người đại diện cho bị hại số tiền 80.000.000đồng gồm cụ Ng, bà C, anh Đ, chị D, chị H, xác nhận bị cáo Vũ Văn Th đã bồi thường số tiền 60.000.000đồng. số tiền còn phải bồi thường tiếp là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Về vật chứng: 01 chiếc xe đạp nữ của ông Đ đang bị tạm giữ, là tài sản chung của vợ chồng, không phải là phương tiện phạm tội của vụ án, nay ông Đ đã chết, nên phải trả lại ngay cho người đồng sở hữu là bà Nguyễn Thị C là phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Th phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo có lời nói sau cùng: Bị cáo xin được hưởng án treo để bị cáo ở nhà tự cải tạo và giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1 - Về tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của bị hại là cụ Dương Thị Ng, chị Trần Thị H; Người làm chứng anh Nguyễn Văn Q, anh Dương Văn T; anh Trần Văn S đã đ- ọc Tòa án triệu tập, đều vắng mặt tại phiên tòa, nh- ng tr- ớc đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Đối chiếu với Điều 292; Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử vẫn Quyết định tiếp tục phiên tòa.

2 - Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

3 - Tại phiên tòa bị cáo Th khai nhận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/10/2017, bị cáo đi từ phố Tr, xã V T, huyện V về thị trấn T để về nhà ở thôn V N, xã B L, huyện H trên Quốc lộ 37 hướng từ huyện V về thị trấn T. Do không quan sát, không đảm bảo về khoảng cách và không làm chủ tốc độ khi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98D1-448.46. Khi vượt xe đạp của ông Đ, bị cáo không có tín hiệu xin vượt như sử dụng đèn, còi. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 24/10/2017 bị cáo đã gây ra va chạm với xe đạp nữ do ông Trần Văn Đ điều khiển tại địa phận Thôn C và Thôn Ch, xã L P, huyện H, làm ông Đ ngã ra mặt đường, sau đó ông Đ bị chết vào ngày 25/10/2017. Khi điều khiển xe mô tô trên, bị cáo chưa có giấy phép lái xe theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng số 33/CT-VKS - HH ngày 09/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với hiện trường vụ án, phù hợp với các dấu vết trên các phương tiện (Mô tô, xe đạp) trong vụ án, phù hợp với dấu vết trên cơ thể của ông Đ khi khám nghiệm tử thi, phù hợp với lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Vũ Văn Th đã vi phạm Khoản 9, Điều 8; Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 14; Điều đ Điều 30 Luật giao thông đ- ờng bộ. Khoản 3 Điều 4 Thông t- số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải.

Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn Th là nguy hiểm cho xã hội, Khi phạm tội bị cáo Th đã đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ năng lực hành vi dân sự, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, khi điều khiển phương tiện xe mô tô BKS 98D1-448.46, bị cáo chưa có giấy phép lái xe theo quy định, do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố Vũ Văn Th ra tr-ớc Toà án nhân dân huyện H để xét xử hôm nay là hoàn toàn đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Hiện nay tình trạng vi phạm luật về giao thông đ-ờng bộ, đường sắt trên cả n-ớc, cũng nh- thời gian gần đây trên địa bàn huyện H rất thường xuyên, những vi phạm về quy định tham gia giao thông xảy ra t-ơng đối phổ biến, các đối tượng tham gia giao thông không chấp hành đúng quy định của Pháp luật và nguyên tắc tham gia giao thông được quy định trong Luật giao thông đường bộ, nên đã gây ra nhiều hậu quả cho xã hội, cả về con người và vật chất, ý thức chấp hành Luật giao thông đường bộ của một số đối t-ơng còn kém, thể hiện qua việc bị cáo điều khiển xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ khi tham gia giao thông, không có giấy phép lái xe, không quan sát, vượt ẩu, không đảm bảo về khoảng cách, không làm chủ tốc độ khi tham gia giao thông khi có thời tiết không thuận lợi, tầm quan sát không thuận lợi, do vậy cần xét xử nghiêm đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên toà hôm nay. Bị cáo thành khẩn khai báo, nhận tội về hành vi mình đã gây ra, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, để khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại, nên cần áp dụng điểm b,p Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, do đại diện của bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị hại trong vụ án cũng có một phần lỗi khi tham gia giao thông vào ban đêm, không có tín hiệu ở phía trước và phía sau xe đạp theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Luật giao thông đường bộ.

Về đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự của bà C và anh Đ, ý kiến của cụ Ng – là người đại diện của bị hại, về việc các bên đã tự nguyện hòa giải đối với bị cáo Th. Theo quy định tại Nghị quyết số 144 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 và Khoản 3 Điều 29 Bộ luật 2015, so với quy định tại Điều 25 Bộ luật hình sự năm 1999. HĐXX đã xem xét quy định có lợi cho bị cáo Th, nhưng xét về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. HĐXX xét thấy không thể miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, mà xem xét đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự này là một tình tiết giảm nhẹ khi lượng hình đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Xét về nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo Vũ Văn Th, bị cáo là người lao động, ít hiểu biết về pháp luật, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, bị cáo ch-a có tiền án, tiền sự. Do vậy khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần nhắc đề có mức hình phạt phù hợp với quy định của Điều 202 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình và hành vi của bị cáo Vũ Văn Th.

Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện H về hình phạt đối với bị cáo Th tại phiên tòa là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự : Người đại diện theo pháp luật của bị hại và bị cáo tự thỏa thuận về mức bồi thường, bị cáo Vũ Văn Th bồi thường cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất tổng số tiền là 80.000.000đồng, xác nhận bị cáo Th đã bồi thường số tiền là 60.000.000đồng. Bị cáo Th tiếp tục phải bồi thường cho những người đại diện của bị hại số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô do Honda sản xuất, nhãn hiệu Airblade biểm kiểm soát 98D1-448.46 của bị cáo Th, Cơ quan Công an đã xử lý trả lại cho bị cáo là phù hợp quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật hình sự năm 2015; 01 chiếc xe đạp của ông Trần Văn Đ, là tài chung của vợ chồng, Ông Đ đã chết, bà Nguyễn Thị C là vợ hợp pháp, do vậy trả lại cho bà Nguyễn Thị C 01 chiếc xe đạp nữ hai khung đã cũ, có số khung 3737 đang bị tạm giữ.

Lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án là khách quan, phù hợp với nội dung vụ án.

Về án phí: Bị cáo Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo Vũ văn Th phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”:

Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 202; Điểm b, p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn Th 03(Ba) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án;

2 – Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Vũ Văn Th phải bồi thường số tiền còn lại, theo thỏa thuận giữa những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bị hại là cụ Ng, bà C, anh Đ, chị D, chị H với bị cáo Th số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

3 - Về vật chứng: Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật hình sự năm 2015, trả lại cho bà Nguyễn Thị C 01 chiếc xe đạp nữ hai khung đã cũ, có số khung 3737 đang bị tạm giữ.

4 - Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Vũ Văn Th phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đồng (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5 - Về quyền kháng cáo: Áp dụng Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Báo cho bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị hại có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho người đại diện theo pháp luật của bị hại vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện H;
- Bị cáo;
- Chi cục T.H.A huyện H;
- Công an huyện H;
- L- u hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Hoan